

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/KDTM-ST

Ngày: 22- 6 - 2021

V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Bình
2. Ông Nguyễn Thiện Lợi

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-KDTM ngày 11/5/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-KDTM ngày 01/6/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty M.

Địa chỉ: Số 01, B, phường T, quận S, thành phố Đ. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Như Thiên M - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hoàng L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Phòng A3. 0501, tòa A3, the goldview, số 346 Bến V, phường 01, quận 04, TP H và ông Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1995. Địa chỉ: Phòng 1703-Tòa nhà 18T2, đường Lê Văn L, quận T, Thành phố H.(Theo giấy ủy quyền số 28/GUQ- SEADANANG ngày 15 tháng 01 năm 2020); Ông Đ có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty 3.

Địa chỉ: F302, tòa nhà F, lô A2, khu Công nghiệp N, đường Tr, phường Tr, thành phố T, tỉnh T. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức T - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn N, sinh năm

1990; Địa chỉ: Thôn Th, xã A, huyện Q, tỉnh T -Là nhân viên Công ty (Theo giấy ủy quyền ngày 08 tháng 03 năm 2021); Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện V, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, Nguyên đơn là Công ty M trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Ngày 12/08/2017, Công ty M (Gọi tắt là Công ty M) và Công ty 3.(Gọi tắt là Công ty 3) ký kết Hợp đồng kinh tế số 1208-2017/3GR-SPD về mua bán Bông cotton với nội dung: Công ty M đồng ý bán và Công ty 3 đồng ý mua mặt hàng Bông Cotton với số lượng là 553.000 kg, đơn giá 43.310 đồng/01kg. Tổng giá trị hợp đồng 23.950.430.000 đồng. Giao hàng trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng. Địa điểm giao hàng do Công ty M chỉ định; Công ty 3 có trách nhiệm thanh toán theo từng lần lấy hàng trên cơ sở biên bản giao nhận hàng. Công ty 3 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty M trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty 3 nhận đủ hàng. Nếu chậm trả, Công ty 3 phải chịu mức lãi suất 0,7%/ tháng trên số tiền chậm trả, nhưng trong vòng 90 ngày tiếp theo. Từ ngày thứ 91 trở đi (nhưng thời gian quá hạn không được quá 30 ngày nữa), Công ty 3 phải chịu mức lãi phạt theo quy định là 1, 05%/01 tháng cho số tiền quá hạn đó.

Ngày 15 và 17 tháng 08 năm 2017, Công ty M, Công ty 3 và bà Phạm Thị H đã ký kết Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá giữa 03 bên để đảm bảo nghĩa vụ của Công ty 3 gồm: Công ty M - Bên nhận cầm cố, Công ty 3 - Bên được bảo lãnh nghĩa vụ tài chính và bà Phạm Thị H - Bên cầm cố để đảm bảo nghĩa vụ tài chính cho Công ty 3. Hợp Đồng cầm cố có nội dung như sau: Bà Phạm Thị H đồng ý sử dụng 2.000.000 cổ phiếu do Công ty Đ phát hành- mã chứng khoán FTM làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ tài chính (gồm nợ gốc, lãi, lãi chậm trả và các khoản tiền khác liên quan đến trách nhiệm trả nợ) của Công ty 3 với Công ty M. Giá trị tài sản cầm cố theo biên bản định giá kèm theo Hợp đồng cầm cố tại thời điểm 15/08/2017 là 20.000.000.000 đồng, hợp đồng cầm cố đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng G, Thành phố H, xác nhận số 011775 quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 14/08/2017, Công ty M đã giao hàng cho Công ty 3 là 533.840 kg bông cotton, tương ứng với số tiền là 23.986.810.400 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001631 ngày 14/08/2017 do Công ty M phát hành. Tuy nhiên, sau khi nhận hàng từ ngày 14/09/2017 đến ngày 30/05/2018 Công ty 3 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thời hạn đã thỏa thuận mặc dù Công ty M đã gửi rất nhiều công văn về việc yêu cầu thanh toán nhưng không nhận được bất kỳ

phản hồi nào. Ngày 05/07/2018, đại diện Công ty M và Công ty 3 đã ký xác nhận Biên bản làm việc nội dung sau: Xác định dư nợ đến ngày 30/06/2018; xác nhận tài sản cầm cố để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty 3 là 2.000.000 (Hai triệu) cổ phiếu FTM của bà Phạm Thị H, phía Công ty 3 đề xuất lịch trình trả nợ từ tháng 11/2018 đến tháng 2/2019 mỗi tháng trả 5 tỷ, tháng 3/2019 trả gốc và lãi còn lại nhưng Công ty M không chấp nhận và yêu cầu Công ty 3 trả nợ gốc, lãi chậm trả trước 15/07/2018, nhưng đến ngày 15/07/2018 Công ty 3 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Sau đó Công ty M có nhiều văn bản đôn đốc trả nợ, phía Công ty 3 có công văn đề xuất thời hạn thanh toán tiền hàng, giảm lãi chậm trả và cơ cấu thời gian thanh toán lãi chậm trả nhưng Công ty M không chấp nhận. Tại biên bản đối chiếu xác nhận nợ chậm trả, lãi chậm trả ngày 30/6/2019 và biên bản làm việc ngày 26/08/2019 Công ty 3 ký xác nhận nợ tiền hàng của Công ty M là 23.986.810.400 đồng và nợ lãi đến ngày 30/06/2019 là 4.757.384.063 đồng. Tháng 01/2020, Công ty M nhiều lần gửi công văn yêu cầu Công ty 3 trả nợ và xử lý tài sản bảo đảm nhưng không có ý kiến phản hồi. Công ty 3 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán theo Điều III của Hợp đồng kinh tế số 1208-2017/3GR-SPD ngày 12/8/2017 hai bên đã ký kết.

Vì vậy, Công ty M yêu cầu Công ty 3 phải thanh toán ngay toàn bộ khoản nợ theo xác nhận của hai bên ngày 30/6/2019, gồm nợ gốc tiền hàng là 23.986.810.400 đồng, lãi chậm trả (tính đến ngày 30/6/2019) là 4.757.384.063 đồng và lãi chậm trả từ ngày 01/7/2019 đến ngày 22/6/2021: $23.986.810.400 \text{ đồng} \times 1.05\%/\text{tháng} (30 \text{ ngày}) \times 723 \text{ ngày} = 6.069.862.371 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/6/2021 là: 34.814.056.834 đồng (*Ba mươi bốn tỉ tám trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi tư đồng*).

Trường hợp Công ty 3 không thanh toán hoặc không thanh toán đủ số khoản nợ trên thì Công ty M có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là 2.000.000 cổ phiếu có mã chứng khoán là FTM (Phát hành bởi Công ty Đ) là tài sản bà Phạm Thị H cầm cố đảm bảo cho khoản thanh toán của Công ty 3 với Công ty M.

Nếu sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà vẫn không đủ thanh toán cho Công ty M thì Công ty 3 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu cho Công ty M.

*) Theo văn bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết. Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty 3, ông Đào Văn N trình bày: Ngày 12/08/2017, Công ty 3 và Công ty M ký kết Hợp đồng kinh tế số 1208-2017/3GR-SPD về việc mua bán Bông cotton với số lượng 553.000 kg, đơn giá 43.310 đồng/01kg. Tổng giá trị hợp đồng 23.950.430.000 đồng, nội dung hợp đồng thỏa thuận thời hạn giao hàng, nghĩa vụ thanh toán và lãi suất chậm trả, lãi phạt như nguyên đơn trình bày là đúng. Đảm bảo nghĩa vụ tài chính cho Công ty 3, ngày 15 và 17 tháng 08 năm 2017, Công ty M (bên nhận cầm cố); Công ty 3

(bên được bảo lãnh nghĩa vụ tài chính) và bà Phạm Thị H (bên cầm cố) đã ký kết Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá, nội dung: Bà Phạm Thị H đồng ý sử dụng tài sản thuộc sở hữu của mình là 2.000.000 cổ phiếu do Công ty Đ phát hành - Mã chứng khoán FTM là để đảm bảo cho nghĩa vụ tài chính (gồm nợ gốc, lãi, lãi chậm trả và các khoản tiền khác liên quan đến trách nhiệm trả nợ) của Công ty 3 với Công ty M. Giá trị tài sản cầm cố tại biên bản định giá ngày 15/08/2017 là 20.000.000.000 đồng. Hợp Đồng Cầm Cố đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện hợp đồng, ngày 14/8/2017 Công ty M đã giao cho Công ty 3 là 553.840 kg bông cotton tổng trị giá là 23.986.810.400 đồng như nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi nhận hàng, từ năm 2018 đến năm 2020 do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại và dịch bệnh Covid 19 diễn ra phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến ngành dệt may dẫn tới Công ty 3 chưa thanh toán được khoản nợ tiền hàng trên cho Công ty M theo thời hạn Hợp đồng hai bên đã ký. Nay Công ty M yêu cầu Công ty 3 trả nợ tiền hàng và lãi chậm trả tính đến ngày 22/6/2021 tổng cộng số tiền 34.814.056.834 đồng là đúng. Song hiện tại bị đơn đang khó khăn về tài chính đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện để bị đơn trả nợ gốc theo phương án: Quý 3/2021 trả 150.000.000 đồng, quý 4/2021 trả 200.000.000 đồng và từ quý 1/2022 đến quý 3/2025 mỗi quý trả 1.500.000.000 đồng; quý 4/2025 trả 1.136.810.400 đồng, tổng cộng là 23.986.810.400 đồng. Sau khi trả nợ gốc xong hai bên sẽ bàn bạc về khoản lãi chậm trả sau. Trường hợp Công ty 3 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Công ty M có quyền yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là 2.000.000 cổ phiếu có mã chứng khoán là FTM là tài sản của bà Phạm Thị H để thu hồi nợ. Nếu nguyên đơn không chấp nhận phương án trả nợ của bị đơn thì Tòa án giải quyết theo quy định.

*) Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày: Ngày 17 tháng 8 năm 2017, bà cùng Công ty 3 và Công ty M đã ký kết Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá gồm: Bên nhận cầm cố là Công ty M; Công ty 3 là bên được bảo lãnh nghĩa vụ tài chính và bà Phạm Thị H là bên cầm cố, nội dung: Bà Phạm Thị H đồng ý sử dụng 2.000.000 cổ phiếu do Công ty Đ phát hành - mã chứng khoán FTM là tài sản thuộc sở hữu riêng của mình để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty 3 với Công ty M theo hợp đồng kinh tế số 1208- 2017/3GR-SPD. Số cổ phiếu trên đã được phong tỏa ngày 15/08/2017 tại Công ty cổ phần chứng khoán MB. Trường hợp nếu Công ty 3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho Công ty M theo hợp đồng trên, bà đồng ý để các bên xử lý 2.000.000 cổ phiếu có mã chứng khoán PTM là tài sản tài sản hợp pháp của mình để bảo đảm cho hợp đồng kinh tế số 1208-2017/3GR-SPD theo quy định. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 1208-2017/3GR-SPD ngày 12/8/2017 hai bên ký kết. Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm d khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 433 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, Điều 306 Luật thương mại 2005; Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty 3 phải trả cho Công ty M (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/6/2021) tổng cộng số tiền là 34.814.056.834 đồng. Trong đó nợ tiền hàng 23.986.810.400 đồng và tiền lãi chậm trả 10.827.246.434 đồng. Trường hợp Công ty 3 không trả được nợ cho Công ty M thì Công ty M có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cầm cố là 2.000.000 cổ phiếu để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty M và Công ty 3 là doanh nghiệp thành lập và hoạt động các lĩnh vực vì mục đích lợi nhuận theo đăng ký kinh doanh do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Trong hoạt động kinh doanh phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, Công ty M khởi kiện Công ty 3; Trụ sở tại: F302, tòa nhà F, lô A2, khu Công nghiệp N, đường Tr, phường Tr, thành phố T, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[3] Về nội dung: Xét việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tiền hàng và lãi chậm trả tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/6/2021 là

34.814.056.834 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng kinh tế số 1208-2017/3GR-SPD ngày 12/08/2017 được ký kết giữa người đại diện hợp pháp của Công ty M và người đại diện hợp pháp của Công ty 3 là tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên phù hợp với pháp luật quy định nên có giá trị bắt buộc thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã giao và Công ty 3 đã nhận hàng đúng thời hạn, đối tượng, số lượng, chủng loại hàng hóa không có ý kiến khiếu nại gì. Vì vậy, Công ty 3 phải có trách nhiệm trả tiền hàng cho Công ty M theo thời hạn thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 1208-2017/3GR-SPD, tuy nhiên đến nay Công ty 3 chưa trả tiền hàng cho Công ty M.

[4] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp có trong hồ sơ vụ án, ý kiến các bên trình bày tại phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền là 23.986.810.400 đồng (tiền hàng 533.840 kg bông cotton giao ngày 14/8/2017). Công ty M yêu cầu Công ty 3 trả nợ gốc 23.986.810.400 đồng và lãi chậm trả tính đến ngày 22/6/2021 là 10.827.246.434 đồng, tổng cộng số tiền 34.814.056.834 đồng như nguyên đơn yêu cầu là đúng. Song lý do chưa trả được do tài chính của Công ty đang gặp khó khăn và đề nghị cho bị đơn trả nợ gốc (từ quý 3/2021 đến quý 4/2025) theo phương án trả nợ bị đơn đã gửi nguyên đơn, còn lãi bàn bạc giải quyết sau. Như vậy, hai bên đã thống nhất khoản nợ tiền hàng và lãi chậm trả theo nội dung hợp đồng đã ký kết, nhưng không thống nhất phương thức và thời gian thanh toán, trong đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi một lần không chấp nhận phương án trả nợ của bị đơn.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về thanh toán lãi chậm trả tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 22/6/2021 số tiền là 10.827.246.434 đồng. Căn cứ mức lãi suất nợ quá hạn trung bình tại thời điểm xét xử sơ thẩm của liên Ngân hàng trên địa bàn thành phố Thái Bình do Tòa án thu thập (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cùng là: $15,75\%/năm:12 \text{ tháng} = 1,31\%/tháng$; Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là: $15,90\%/năm:12 \text{ tháng} = 1,32\%/tháng$). Thấy, mức lãi suất chậm trả nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ($1,05\%/tháng$) thấp hơn mức lãi suất trung bình của liên Ngân hàng ($1,313\%/tháng$) tại thời điểm xét xử sơ thẩm, do đó thỏa thuận về lãi của các bên là tự nguyện phù hợp quy định tại Điều 306 Luật thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán một lần khoản nợ gốc và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thấy, nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn vào ngày 14/8/2017 đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng và thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đủ hàng bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn, nhưng từ sau khi nhận hàng đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của

nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét tài sản bảo đảm cho thực hiện nghĩa vụ của Công ty 3: Ngày 15 và 17 tháng 8 năm 2017, bên cầm cố là bà Phạm Thị H, bên nhận cầm cố Công ty M và bên được bảo lãnh đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá (để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác). Theo đó bà Phạm Thị H đã cầm cố tài sản thuộc sở hữu của mình là 2.000.000 cổ phiếu, mã chứng khoán FTM do Công ty Đ phát hành để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi chậm trả và các khoản tiền khác cho Công ty 3. Hợp đồng đã được các bên ký kết tự nguyện và đã làm thủ tục phong tỏa tài khoản 2.000.000 cổ phiếu trên tại Công ty cổ phần chứng khoán MB- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết vụ án các bên thống nhất đối với tài sản bảo đảm, bà Phạm Thị H đồng ý xử lý tài sản 2.000.000 cổ phiếu trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Do đó đề nghị của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm khi bị đơn không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình về nội dung giải quyết vụ án và xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm d khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 299, 303, 310, 314, 430, 433 và 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, 306 Luật thương mại;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo; Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty 3 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty M số tiền 23.986.810.400 đồng nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số 1208 - 2017/3GR - SPD

ngày 12/8/2017 và 10.827.246.434 đồng nợ lãi tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 22/6/2021. Tổng cộng là 34.814.056.834 đồng (*Ba mươi bốn tỉ tám trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi tư đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp Công ty 3 không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nợ trên, Công ty M có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 2.000.000 cổ phiếu có mã chứng khoán FTM do Công ty Đ phát hành là tài sản của bà Phạm Thị H theo Hợp đồng cầm cố ngày 15 và 17 tháng 08 năm 2017 để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Công ty 3 tiếp tục trả cho Công ty M đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí:

2.1. Công ty 3 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 142.814.000 (một trăm bốn hai triệu tám trăm mười bốn nghìn) đồng.

2.2. Trả lại cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 69.127.000 (sáu chín triệu một trăm hai bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0017601 ngày 23/3/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận H, Thành phố H.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/6/2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình.
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình
- Chi cục THADS quận H, TP H
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Sơn

